

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 11

Ghi chú: 35 câu TNKQ- 7,0 điểm (0,2 điểm / câu); 4 câu Tự luận (3 điểm)

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
Nửa nửa học kỳ đầu(30%)												
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	<i>Góc lượng giác. Số đo của góc lượng giác. Đường tròn lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác, quan hệ giữa các giá trị lượng giác. Các phép biến đổi lượng giác (công thức cộng; công thức nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng; công thức biến đổi tổng thành tích)</i>	Câu 1		Câu 2						4%	
		<i>Hàm số lượng giác và đồ thị</i>			Câu 3 Câu 4							4%
		<i>Phương trình lượng giác cơ bản</i>	Câu 5									2%
2	Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số Nhân	<i>Dãy số. Dãy số tăng, dãy số giảm</i>	Câu 6 Câu 7								4%	
		<i>Cấp số cộng. Số hạng tổng quát của cấp số cộng. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng</i>			Câu 8			Câu 4a (TL0,5)			7%	
		<i>Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân</i>	Câu 9		Câu 10						4%	

3	Phân tích và xử lí dữ liệu	<i>Các số đặc trưng của mẫu số li ệu ghép nhóm</i>					Câu 1 (TL0,5)					5%
Nửa học kỳ sau(70%)												
4	Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	<i>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Cách xác định mặt phẳng. Hình chóp và hình tứ diện</i>	Câu 11 Câu 12		Câu 13				Câu 3 (TL1,0)			16%
5	Quan hệ song song trong không gian. Phép chiếu song song	<i>Hai đường song song</i>	Câu 14 Câu 15		Câu 16							6%
		<i>Đường thẳng và mặt phẳng song song</i>	Câu 17		Câu 18 Câu 19						6%	
		<i>Hai mặt phẳng song song. Định lí Thalès trong không gian. Hình lăng trụ và hình hộp</i>			Câu 20 Câu 21 Câu 22						6%	
		<i>Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian</i>	Câu 23 Câu 24								4%	
6	Giới hạn. Hàm số liên tục	<i>Giới hạn của dãy số. Phép toán giới hạn dãy số. Tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn</i>			Câu 25 Câu 26 Câu 27 Câu 28					Câu 4b (TL0,5)		13%
		<i>Giới hạn của hàm số. Phép toán giới hạn hàm số</i>			Câu 29 Câu 30 Câu 31 Câu 32			Câu 2 (TL 0,5)			13%	
		<i>Hàm số liên tục</i>	Câu 33 Câu 34 Câu 35								6%	
Tổng												
Tỉ lệ				30%	40%		20%		10%		100%	

BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I, MÔN TOÁN -LỚP 11

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	Góc lượng giác. Số đo của góc lượng giác. Đường tròn lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác, quan hệ giữa các giá trị lượng giác. Các phép biến đổi lượng giác (công thức cộng; công thức nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng; công thức biến đổi tổng thành tích)	Nhận biết: Nhận biết được khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác.	Câu 1			
			Thông hiểu: – Mô tả được các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và tổng thành tích				
		Hàm số lượng giác và đồ thị	Thông hiểu: Xác được tập xác định tập giá trị của hàm số lượng giác. lí,...).		Câu 3 Câu 4		
		Phương trình lượng giác cơ bản	Nhận biết: – Nhận biết được nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản.				
2	Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân	Dãy số. Dãy số tăng, dãy số giảm	Nhận biết: -Nhận biết được tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.	Câu 6 Câu 7			
		Cấp số cộng. Số hạng tổng quát của cấp số cộng. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng	Thông hiểu: – Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số cộng Vận dụng: – Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng.				

		<i>Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân</i>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được một dãy số là cấp số nhân.</p> <p>Thông hiểu: – Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân.</p>	Câu 9				Câu 10
3	Phân tích và xử lý dữ liệu	<i>Các số đặc trưng của mẫu số liệu ghép nhóm</i>	<p>Vận dụng: – Tính được : số trung bình cộng (hay số trung bình), cho mẫu số liệu ghép nhóm</p>					Câu 1 TL(0,5)
4	Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	<i>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Cách xác định mặt phẳng. Hình chóp và hình tứ diện</i>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. – Nhận biết được hình chóp, hình tứ diện.</p> <p>Thông hiểu – Mô tả được ba cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau).</p> <p>Vận dụng -Xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. - Vận dụng được các tính chất về giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng vào giải bài tập.</p>	Câu 11 Câu 12				Câu 13 Câu 3 (TL1.0)
5	Quan hệ song song trong không gian. Phép chiếu song song	<i>Hai đường song song</i>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau trong không gian.</p> <p>Thông hiểu</p>	Câu 14 Câu 15				

			Giải thích được tính chất cơ bản về hai đường thẳng song song trong không gian.		Câu 16		
		<i>Đường thẳng và mặt phẳng song song</i>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được đường thẳng song song với mặt phẳng.</p> <p>Thông hiểu - Giải thích được điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích được tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng.</p>	Câu 17	Câu 18 Câu 19		
		<i>Hai mặt phẳng song song. Định lý Thalès trong không gian. Hình lăng trụ và hình hộp</i>	<p>Thông hiểu Giải thích được điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích được tính chất cơ bản của lăng trụ và hình hộp.</p>		Câu 20 Câu 21 Câu 22		
		<i>Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian</i>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm và các tính chất cơ bản về phép chiếu song song.</p>	Câu 23 Câu 24			

6	Giới hạn. Hàm số liên tục.	<i>Giới hạn của dãy số. Phép toán giới hạn dãy số. Tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn</i>	Thông hiểu Giải thích được một số giới hạn cơ bản như: $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{1}{n^k} = 0, k \in \mathbb{N}^*$ $\lim_{n \rightarrow +\infty} q^n = 0, q < 1,$ $\lim_{n \rightarrow +\infty} c = c \text{ với } c \text{ là hằng số.}$ Vận dụng cao Tính được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.		Câu 25 Câu 26 Câu 27 Câu 28		Câu 4b (TL0,5)
		<i>Giới hạn của hàm số. Phép toán giới hạn hàm số</i>	Thông hiểu - Mô tả được một số giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực cơ bản $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{c}{x^k} = 0,$ $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{c}{x^k} = 0$ với c là hằng số và k là số nguyên dương. – Hiểu được một số giới hạn vô cực (một phía) của hàm số tại một điểm cơ bản như $\lim_{x \rightarrow a^+} \frac{1}{x-a} = +\infty; \lim_{x \rightarrow a^-} \frac{1}{x-a} = -\infty$ Vận dụng – Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số.		Câu 29 Câu 30 Câu 31 Câu 32		Câu 2 TL(0,5)

		<i>Hàm số liên tục</i>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận dạng được hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn. – Nhận dạng được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. – Nhận biết được tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm phân thức, hàm căn thức, hàm lượng giác) trên tập xác định của chúng. 	<p>Câu 33 Câu 34 Câu 35</p>			
Tổng				15 TN	20 TN	3 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	